CÂU MƠ HỒ TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH THEO QUAN ĐIỂM CỦA NGƯỜI HỌC TIẾNG

Đặng Thị Toàn Thư
Khoa Tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà nội

Tóm tắt: *Hiện tượng mơ hồ đa nghĩa trong ngôn ngữ tự nhiên là hiện tượng mang tính phổ quát. Trong cách sử dụng hàng ngày, "mơ hồ" được xem như là "đặc tính của câu mà nó có thể được diễn dịch hơn một cách". Nhìn chung, đối với người bản ngữ, việc "hóa giải" mơ hồ tự nhiên và dễ dàng đến nỗi hầu như họ không nhận thức được điều này. Nhưng đối với người học tiếng, hiện tượng mơ hồ gây không ít khó khăn, lúng túng cho người học. Do vậy, bài viết này đề cập đến một số kiểu loại mơ hồ trong tiếng Việt và tiếng Anh; đồng thời cũng như đưa ra một số phương thức làm mất mơ hồ nhằm giúp cho người học tiếng Việt (hoặc tiếng Anh) hiểu và vận dụng hiện tượng mơ hồ trong ngôn ngữ một cách hiệu quả hơn.*

Từ khoá: *Mơ hồ: ambiguous; Người học tiếng, Quan điểm*

AMBIGUOUS SENTENCES IN VIETNAMESE AND ENGLISH FROM LANGUAGE LEARNERS' VIEWPOINTS

Dang Thi Toan Thu
Department of English, University of Foreign Languages, Vietnam National University, Hanoi

Abstract: *The phenomenon of ambiguous polysemy in natural language is a universal phenomenon. In everyday usage, "ambiguity" is seen as "a property of a sentence that can be interpreted in more than one way." Generally, for native speakers, resolving natural ambiguity is so natural and easy that they are hardly aware of it. However, for language learners, the phenomenon of ambiguity poses significant difficulties and confusion. Therefore, this paper discusses several types of ambiguity in Vietnamese and English, while also presenting some methods to eliminate ambiguity to help Vietnamese (or English) language learners understand and apply the phenomenon of ambiguity in language more effectively.*

Keywords: *Ambiguity; Language learners; Perspectives*

Nhận bài: 18/01/2025 Phản biện: 15/02/2025 Duyệt đăng: 19/02/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong một chừng mực nhất định, bài viết này nhằm mục đích tiến hành miêu tả, phân loại một câu mơ hồ trong tiếng Việt và tiếng Anh; đồng thời cũng đưa ra một số phương thức làm mất sự mơ hồ này để người học có thể dễ hiểu và hiểu đúng nghĩa của câu hơn. Bài viết cũng cho thấy việc nghiên cứu hiện tượng mơ hồ trong ngôn ngữ là rất cần thiết vì nó giúp người học "cảnh giác" được câu thoại nhìn có vẻ "bình thường" nhưng trong nó lại ẩn chứa những nét nghĩa tiềm tàng, được diễn dịch theo nhiều cách khác khác biệt nhau; đồng thời nó cũng giúp cho việc phát triển các kỹ năng làm mất mơ hồ vì những từ ngữ đa nghĩa, những cụm từ mang tính thành ngữ, ẩn dụ làm cho người học khó nắm bắt được nghĩa vì sự mơ hồ của chúng. Khi học tiếng Việt (hoặc tiếng Anh) như một ngoại ngữ, người học phải có ý thức về điều này để hiểu và vận dụng hiện tượng mơ hồ trong ngôn ngữ đúng đắn và hợp lý hơn.

Sau đây tác giả xin giới thiệu một số loại câu mơ hồ tiêu biểu trong tiếng Việt và tiếng Anh; và một số Phương pháp làm mất đi sự mơ hồ trong ngôn ngữ tự nhiên.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. CÁC LOẠI CÂU MƠ HỒ TIÊU BIỂU

2.1.1. Mơ hồ từ vựng

Hiện tượng mơ hồ từ vựng xuất hiện ở những câu có hơn một nghĩa do có chứa các thành tố từ vựng có nhiều hơn một nghĩa; hay nói cách khác, ở cấp độ ngữ âm nó có một "biểu hiện" duy nhất nhưng ở cấp độ từ vựng lại có khả năng hiện thực hóa. Tính mơ hồ của ngôn ngữ ở cấp độ từ thể hiện qua từ đa nghĩa, từ đồng âm và tương ứng ta có hai loại mơ hồ từ vựng: mơ hồ do đồng âm và mơ hồ do đa nghĩa.

*** Mơ hồ do từ đồng âm (đồng âm từ vựng)**

Phần lớn các câu mơ hồ do từ đồng âm cùng từ loại là mơ hồ "thuần túy" từ vựng. Xét những ví dụ sau:

(1) a. Cung kiếm ra tay, thiên hạ đỏ dồn hai mắt lại
Triều đình cử mục, anh hùng chỉ có một **ngươi** thôi
(Nguyễn Khuyến)

b. Cô ta phải **lấy** một **tên** khác, tên Phrăng – xoa. (Báo Hà Nội mới)

Trong (1a) **ngươi** có thể hiểu theo hai nghĩa là **đại từ ngôi II** hoặc **con ngươi của mắt.** Tương truyền đây là câu hóm hỉnh của Nguyễn Khuyến tặng cho Ban Long, viên quan võ chột mắt; đây là ví dụ mà người phát cố ý lồng vào một hình thức ngữ âm các nghĩa khác nhau đó cũng là lúc "khoái

cảm nghệ thuật" thú vị. Còn câu (1b) có hai từ đồng âm lấy và tên. **Lấy** có nghĩa là **kết hôn hoặc lấy tên** là **đặt tên** cho mình; còn **tên** vừa là danh xưng của một ai đó hoặc từ để chỉ cá nhân người bị coi khinh.

(2) a. Mary has a **light** coat

b. Marriage is not a word; it is a **sentence.**

(dt Nguyễn Vạn Phú, 1999)

Câu (2a) có hai từ đa nghĩa là **light** (nhẹ hay có màu sáng) và coat (áo khoác hay bộ lông thú); và tương ứng như vậy ta có bốn diễn dịch cho câu này. Còn trong (2b) **sentence** có hai nghĩa: câu và bản án. Ta có thể hiểu theo nghĩa là **câu** để tạo nét tương phản với từ (word: từ ngữ) hoặc hiểu theo nghĩa là **bản án** nhằm liên tưởng một cách dí dỏm đến từ hôn nhân (marriage).

*** Câu mơ hồ do từ đa nghĩa**

Thường thì một phát ngôn bao giờ cũng chứa những thành tố từ vựng đa nghĩa nhưng điều này không có nghĩa là người phát ngôn có ý định muốn người nhận hiểu theo tất cả các cách diễn dịch đó. Người phát ngôn luôn trông chờ ở người nhận xác định được nét nghĩa nào của từ đa nghĩa đó mà người phát ngôn có ý định muốn diễn đạt. Quá trình "lựa chọn" này khá phức tạp vì có nhiều nhân tố tác động. Nói chung nhiều phương pháp phân tích từ ngữ khác nhau, luôn diễn ra trong đầu người thụ ngôn một sự "thỏa thuận" giữa các nghĩa đan xen đó để đạt đến sự kết hợp từ ngữ "có lý" nhất, một diễn dịch tự nhiên nhất. Việc định rõ nghĩa của từ nhiều nghĩa đòi hỏi khả năng xác định nghĩa nào là nghĩa được sử dụng trong ngữ cảnh. Ở các từ nhiều nghĩa, các nghĩa của từ cũng luôn luôn nằm trong mối quan hệ hệ thống với nhau: các nghĩa phái sinh luôn luôn duy trì một nét nghĩa nào đó trong nghĩa gốc của từ. Vì thế, khi gặp một từ trong ngôn bản được dùng theo nghĩa phái sinh thì người nhận có thể dựa vào nghĩa gốc và quan hệ giữa các nghĩa để lĩnh hội nó.

2.1.2. Mơ hồ cú pháp

Mơ hồ cú pháp xuất hiện ở những câu có hơn một nghĩa có các quan hệ ngữ pháp có thể được phân định theo nhiều cách khác nhau. (Nói cách khác ở cấp độ từ vựng nó có một "biểu hiện" duy nhất nhưng ở cấp độ cú pháp lại có hai khả năng hiện thực hóa). Có nhiều loại mơ hồ về phương diện cú pháp nhưng bài viết này chỉ đưa ra một loại thông dụng nhất là mơ hồ gắn kết. Mơ hồ gắn kết là một loại mơ hồ "thuần túy" cú pháp (pure – syntactic ambiguity). Câu mơ hồ gắn kết là câu có hơn một nút (node) để một thành phần cú pháp cụ thể nào đó có thể được gắn vào một cách hợp lý và đặc tính ngữ nghĩa của thành phần gắn kết này là không đổi. Chẳng hạn như câu sau:

(3) a. Tôi muốn mặc thử cái áo đầm đỏ ở cạnh cửa sổ.

b. I'd like to try the red dress by the window.

Câu (3) xuất phát từ một mẩu chuyện hài trong tiếng Anh: "Có một phụ nữ bước vào một tiệm bán quần áo và nói: "I'd like to try the red dress by the window" ("Tôi muốn mặc thử cái áo đầm đỏ ở cạnh cửa sổ"). Và người bán trả lời: Ừm… thưa bà, tiệm chúng tôi có phòng thử kia mà". Trong câu chuyện trên, người phụ nữ muốn nói đến cái áo đầm ở cạnh cửa sổ, trong khi người bán hiểu là bà ta muốn mặc thử áo ở cạnh cửa sổ.

2.2. CÁC PHƯƠNG PHÁP LÀM MẤT MƠ HỒ TRONG NGÔN NGỮ TỰ NHIÊN

Như đã biết, các nhà ngữ học phân tích ngôn ngữ tự nhiên trên nhiều cấp độ khác nhau như ngữ âm, hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Tất cả các cấp độ này tác động lẫn nhau một cách sâu rộng, thấm chí cả "cấp thấp" như ngữ âm cũng có thể tác động mạnh đến đặc tính "ngữ dụng" của lời, biểu hiện ở sự mỉa mai, đay nghiến. Ta cũng thấy sự "tương tác" này trong quan hệ giữa cú pháp và ngữ nghĩa. Ví dụ những câu kiểu như 'They are eating apples' có nhiều cách phân tích cú pháp mà chỉ có thể phân giải bằng cách chú ý đến ngữ nghĩa và ngữ cảnh. Như vậy, dù câu có hơn một cách phân tích cú pháp nhưng thường thì chỉ có một cách duy nhất được ưu tiên hơn sau khi ngữ nghĩa và ngữ cảnh được xem xét đến. Chẳng hạn như:

(4) a. I saw the Grand Cayon **flying** to New York.

"Tôi nhìn thấy (công viên) Grand Cayon **khi bay** đến New York".

(5) b. I saw a Boing 747 **flying** to New York.

"Tôi nhìn thấy chiếc Boing 747 **đang bay** tới New York".

(8) They are **eating apples.**

a. "Đó là **(loại) táo để ăn**"

b. "Họ **đang ăn táo**"

Câu (6) và (7) là những ví dụ cho "khuynh hướng ngữ nghĩa" (semantic bias) trong phân tích cú pháp. Dù các câu này có hai cách phân định cú pháp nhưng hai câu trên được diễn dịch theo một nghĩa duy nhất vì ta biết rằng cái gì có thể bay và cái gì không thể bay được. (Đó là do Boing là tên một loại máy bay mà nhiều người biết; còn Grand Cayon là tên của một công viên quốc gia nổi tiếng ở Mỹ.

Còn câu (8) là một ví dụ "khuynh hướng ngữ cảnh" ("context bias") trong phân tích cú pháp vì sự phân tích cú pháp câu này tùy thuộc vào việc nó trả lời cho câu hỏi 'What are they doing? "Họ đang làm gì?" hoặc câu 'What kind of apples are those?' "Đó là loại táo gì?"

Trong ngôn ngữ nói:

Ở góc độ ngữ âm học, ngữ nghĩa của lời cũng biến đổi theo các yếu tố ngữ âm và như vậy; nói cách khác, hiện tượng mơ hồ trong lời nói có thể được giải quyết phần nào nhờ sự phân đoạn âm tiết, ngữ đoạn hay sự thay đổi trọng âm, ngữ điệu.

*** Phương thức trọng âm**

Trọng âm trong tiếng Anh có tác động đến cấu trúc cú pháp – ngữ nghĩa của cụm từ và do đó có thể làm mất mơ hồ của câu. Chẳng hạn như 'White House' nghĩa là "tòa Bạch Ốc" còn 'white house' nghĩa là "nhà màu trắng".

Mặt khác, trong tiếng Anh, nếu đặt trọng âm ở những vị trí khác nhau của một phát ngôn có thể thay đổi thông tin mà nó truyền đạt. Ví dụ như:

(10) a. Tom fed **her** dog biscuit.

b. Tom fed her **dog** biscuit.

(11) a. John **likes** Marsha.

b. John likes **Marsha**.

Câu (10a) nghĩa là: "Tom cho cô bé ăn bánh (dành cho chó), câu (10b) có nghĩa là: "Tom cho con chó của cô bé ăn bánh". Còn câu (11a) nghĩa là: "Theo tôi anh ta **chỉ thích** cô ấy thôi (có thể **không yêu**", câu (11b) nghĩa là "Theo tôi anh ta **thích Marsha**, chứ không phải người khác – Sue chẳng hạn").

Nhìn chung, để "hóa giải" mơ hồ thì khi nói nghĩa cụ thể của câu thường được xác định bằng cách nhấn mạnh vào từ hoặc cụm từ nào đó.

***Phương thức phân đoạn các âm tiết trong ngữ lưu.**

Trong tiếng Việt cũng như trong tiếng Anh, sự phân đoạn các âm tiết trong ngữ lưu cho phép phân biệt các mối quan hệ cú pháp trong các tổ hợp gồm hai tiếng, các cấu trúc cú pháp đan xen nhau và từ đó có thể xác định nghĩa cho cả câu.

Khi xét sự kết nối các âm tiết của chuỗi "**light house keeper**", Bolinger và Gerstman (1957) cho rằng sự khác biệt giữa "**lighthouse-keeper**" (người canh giữ hải đăng) và "**light house-keeper**" (người giữ nhà nhẹ cân) của cụm từ **light house keeper** không đơn thuần là khác biệt ở mức độ trọng âm. Từ thực nghiệm xem xét sự chuyển tiếp giữa **light** và **house**, hai ông đã kết luận rằng đối với người bản ngữ, đặc tính khu biệt là đặc tính của sự phân đoạn: khoảng cách giữa hai âm tiết đầu được phân cách dài hơn (trong trường hợp thứ hai) hay ngắn hơn (trong trường hợp đầu). Về mặt lược đồ điều này có thể được biểu thị như sau: light/house//keeper hoặc light//house/keeper. Và như vậy đặc tính âm học của sự phân đoạn có thể được sử dụng làm mất đi sự mơ hồ trong cấu trúc của thành tố.

Tương tự, ta xét trong các ví dụ sau trong tiếng Việt:

(12) Đôi chân không nhúng xuống nước.

(dt Cao Xuân Hạo, 1998).

(12) a. Đôi chân/ **không nhúng**/ xuống nước/.

(12) b. **Đôi chân không**/ nhúng xuống nước/.

Trong (12b) từ **không** là tính từ khác với từ không trong (12a) là phó từ phủ định; phát ngôn (12a) nghĩa là: **Không nhúng** đôi chân xuống nước, còn (12b) là: Nhúng **đôi chân để trần (= đôi chân không**) xuống nước.

Nhìn chung, tiếng Việt là một ngôn ngữ có thanh điệu (tonal language) trong khi tiếng Anh là một ngôn ngữ có trọng âm (stress language). Do vậy, trong tiếng Anh, khi phát ngôn không thể có sự mơ hồ giữa từ ghép (coumpound word) và cụm ngữ (phrase) vì chúng phân biệt nhau ở chỗ: từ ghép thường có trọng âm ở từ thứ nhất còn ngữ thì ở từ thứ hai. Ví dụ: a dark room (ngữ) là một cái phòng (nói chung) tối còn a dark room (từ ghép) là một loại phòng để rửa phim; a black board (ngữ) là một cái bảng (có) màu đen nhưng a black –board (từ ghép) là một loại bảng dùng để viết có thể xanh hoặc thậm chí trắng. Còn trong tiếng Việt, việc dùng trọng âm từ để xác định nghĩa từ ghép hay cụm từ như trong tiếng Anh thì hầu như không thể được. Chẳng hạn như:

(13) Cô ấy đang chăm chú nhìn những cành **hoa giấy** trên bàn.

Ở câu này, khi phát ngôn, ta không thể phân biệt được **hoa giấy** có nghĩa là thứ hoa giả làm bằng giấy hoặc tên một loài hoa "thật" là "giấy".

Ở góc độ học tiếng, khi một người bản ngữ tiếng Anh học tiếng Việt (hoặc ngược lại) thì người học phải có ý thức sự khác biệt trên vì chính điều này dễ gây mơ hồ, lúng túng cho người học. Việc phân đoạn các từ, từ ghép hay ngữ trong câu rất quan trọng đối với người học tiếng; đặc biệt là trong tiếng Việt, từ không biến hình và ranh giới từ lại không rõ ràng.

Còn trong tiếng Anh, việc đọc nối các từ, việc nhấn giọng (đặt trọng âm) hoặc ngữ điệu lên xuống để biểu đạt các nghĩa khác nhau của người bản ngữ rất dễ gây nhầm lẫn, mơ hồ cho người

học. Vấn đề "nhận diện" được các yếu tố ngữ âm này để hiểu được người phát ngôn muốn nói gì – và cao hơn nữa – vận dụng được chúng trong giao tiếp là một thách thức lớn cho người học.

Tóm lại, tuy còn nhiều hạn chế nhưng tầm quan trọng của "cấp độ" ngữ âm để "hóa giải" mơ hồ trong giao tiếp bằng lời khá là hiển nhiên; mặt khác đây cũng chính là yếu tố dễ gây mơ hồ cho người học tiếng.

Trong ngôn ngữ viết:

*** Phương thức kết hợp từ vựng**

Như ta đã biết, khả năng kết hợp từ vựng là khả năng kết hợp giữa một nghĩa của từ này với một nghĩa của từ khác trong câu, sao cho tổ hợp được tạo thành phải phản ánh đúng với thực tại, phù hợp với logic.

Ta có thể diễn giải khả năng kết hợp từ vựng của từ như sau:

Khi có hai từ A và B kết hợp với nhau chẳng hạn, thì không phải lúc đó tất cả các nghĩa của A đều biểu hiện lên và kết hợp với tất cả các nghĩa của B.

Nếu ta hình dung mỗi từ có một "phổ" nghĩa/ chuỗi kết trị:

A = a,b,c… B = 1,2,3…

Thì sự kết hợp AB về mặt từ vựng có thể là sự kết hợp của A1, A2, A3, B1, B2, B3 …tùy trường hợp cụ thể mà AB phản ánh.

Ví dụ: Xét kết hợp từ **mất tin** trong câu:

(14) "Mới ngỏ lời thôi, đành lỡ hẹn
Đâu ngờ từ đó, **mất tin** nhau" (Vũ Cao)

Theo từ điển tiếng Việt (1996) do Hoàng Phê làm chủ biên thì:

Từ mất (động từ) có năm nghĩa (A)

1. Không có, không thấy, không tồn tại.
2. Không còn thuộc về mình nữa (cái vẫn tồn tại)
3. Không có ở mình nữa
4. Dùng hết bao nhiêu thời gian, công sức hoặc tiền của vào việc gì.
5. Không còn sống nữa, chết.

Từ tin (danh từ) có hai nghĩa (B)

1. Được chuyển đi báo đi cho biết về sự việc, tình hình xảy ra.
2. Sự truyền đạt, sự phản ánh dưới các hình thức khác nhau, cho biết về thế giới xung quanh và những quá trình xảy ra trong nó (một khái niệm cơ bản của điều khiển học)

Khả năng kết hợp từ vựng của **mất** với **tin** trong trường hợp này là kết hợp nghĩa của A1 với nghĩa B2. (Ngoài ra, nếu hiểu **tin** như **tin tưởng** ta lại có câu trên là mơ hồ).

*** Phương thức kết hợp cú pháp**

Khả năng kết hợp cú pháp của từ là khả năng nó có thể đứng vào một vị trí nhất định trong những cấu trúc nhất định nào đó, phụ thuộc vào ý nghĩa, phạm trù của các từ loại của các từ được kết hợp. Hay ngược lại, nếu từ nằm ở vị trí nào trong một mô hình cấu trúc ngữ pháp nào trong một mô hình cấu trúc ngữ pháp nào đó thì tương ứng như vậy, ta sẽ phân định được nó là từ loại nào. Đối với từ chuyển loại và đồng âm khác từ loại giải quyết mơ hồ chủ yếu nhờ sự kết hợp cú pháp. Ta xem ví dụ sau:

(15) **The present** (1) is a good time **to present** (2) **the present** (3)

"**Hiện tại** đúng là lúc **để tặng quà**"

Nhờ vào vị trí các từ **present** trong câu (15) mà ta phân định được chúng là từ loại nào: present 1 (n) có nghĩa là lúc này, hiện tại; present 2 (v) là tặng (quà) và present 3 là quà tặng (dĩ nhiên để phân định được nghĩa nào của **present** được hiện thực hóa ở present 3 thì ta cần áp dụng phương thức kết hợp từ vựng cho kết hợp giữa present 1 và present 3.

*** Phương thức trật tự từ**

Đây là phương thức hiệu quả để "hạn chế" khả năng kết hợp của các từ ngữ trong câu, đặc biệt là ở những câu mơ hồ gắn kết. Ta có các ví dụ sau:

(16) Cấm người điều khiển các loại xe **có mùi bia rượu**.

(Nguyễn Đức Dân, 1998)

Ở câu (16) ta không rõ là người điều khiển có mùi bia rượu hay xe **có mùi bia rượu**. Để các câu này chỉ còn một cách hiểu ta có thể thay đổi trật tự từ trong câu như sau:

(16) Cấm người có mùi bia rượu điều khiển các loại xe.

Tương tự, ta cũng có ví dụ sau trong tiếng Anh:

(17) They decorated the girl **with the flowers.**

a. Họ dùng hoa "trang điểm" cho cô gái đó.

b. Họ trang điểm cho cô gái (người mà) có hoa.

Trong các câu này, with – phrase có thể được diễn dịch như là chức năng tính ngữ (làm định ngữ) hoặc là chức năng trạng ngữ; và tương ứng ta có hai diễn dịch như trên. Bằng phương thức thay đổi trật tự từ, ta có thể làm cho câu chỉ có ý nghĩa thư (17a) vì with – phrase chỉ có chức năng như trạng ngữ:

(17a) With the flowers they decorated the girl.

*** Phương thức thay hoặc thêm từ:**

Đây là phương thức thay hoặc thêm vào câu một yếu tố từ vựng nào đó để câu trở nên rõ ràng hơn:

(18) Tiếng Huế **nghe được** không chị?
(Nguyễn Đức Dân, 1998)

Câu này mơ hồ vì ta không biết ý người hỏi là Tiếng Huế nghe (có) hay không? Hay là Tiếng Huế nghe (có) rõ không? Như vậy để làm mất mơ hồ ta có thể dùng phương thức thay từ như sau:

(18a) Tiếng Huế **nghe (có) hay không** chị?

(18b) Tiếng Huế **nghe (có) rõ không** chị?

Tương tự, ta thử dùng phương thức này cho các câu tiếng Anh sau:

(19) My brother Jim has grown **another foot**.
(Spector,1997)

a. Jim, em trai tôi, giờ đã cao thêm một foot (đơn vị đo lường của Anh).

b. Jim, em trai tôi, giờ đã có thêm chân mới.

Câu (19) cũng có hai diễn dịch là (19a) và (19b) dù diễn dịch đầu hợp lý hơn. Do vậy ta có thể thêm từ và viết lại như sau:

(19a') My brother Jim has grown **a foot taller**.

III. KẾT LUẬN

Tóm lại, ta cần chú ý rằng việc nghiên cứu hiện tượng mơ hồ vô cùng cần thiết cho cả người bản ngữ lẫn người học tiếng. Vì hiện tượng mơ hồ ta cũng hay thấy trong giao tiếp hàng ngày nhưng có lẽ rõ ràng nhất trong các tác phẩm văn học; trong các bài phê bình; châm biếm; trong những mẩu chuyện vui hoặc trong những lời nói bóng gió. Và như vậy, không hiểu được những từ ngữ hay câu nói mơ hồ, chúng ta mất đi sự thưởng thức những câu chuyện hài, chơi chữ dựa trên đặc tính mơ hồ của ngôn ngữ mà phần lớn cái ý nghĩa nằm ở "tầng sâu" mới là nội dung thông điệp cần truyền đạt. Do vậy, việc phát triển các kỹ năng hiểu (ở người thụ ngôn) và sử dụng ngôn ngữ mơ hồ (ở người phát ngôn) rất quan trọng và hữu ích. Nó là một trong những yếu tố cần thiết để cảm nhận cái tinh tế, "cái hồn" trong những tác phẩm văn học nghệ thuật, trong những bài phê bình, châm biếm; đồng thời nó cũng giúp ta tạo lập và thụ đắc văn bản chính xác, rõ ràng nhất là trong các văn bản cần độ chính xác cao như các văn bản khoa học, kỹ thuật v.v…

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Đức Dân và Trần Thị Ngọc Lang (1992), *Câu sai và câu mơ hồ*, Nxb Giáo dục.

Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt – Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa,* Nxb Giáo dục.

Hirst, Graeme (1992), *Semmantic Interpretation and The Resolution of Ambiguity,* Cambridge University Press.

Kooij, Jan G. (1971), *Ambiguity in Natural Langguage, North-holland Publishing Company,* Amsterdam, London.